

Số: 107/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý,
khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP và Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định năng lực tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 198 /TTr-SNNPTNT ngày 01 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo, đài PTHT An Giang;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Quang Thi

QUY ĐỊNH

**Hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác
và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm
2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng trong hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Loại hình dịch vụ áp dụng

Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, dân sinh theo Quy định này áp dụng đối với các hệ thống công trình có quy mô vừa và nhỏ bao gồm các loại hình dịch vụ sau:

1. Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn;
2. Dịch vụ bảo vệ đê bao chống lũ tiêu vùng;
3. Dịch vụ khai thác trạm bơm tưới, tiêu nước.

Điều 4. Giải thích một số từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn, bao gồm:
 - a) Quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn là quản lý, khai thác và bảo vệ nhiều công trình thủy lợi liên quan với nhau trong quản lý, vận hành nhằm tạo nguồn và điều tiết nước cho nhiều tiêu vùng, bảo vệ đê bao kiểm soát lũ cho cả hệ thống gồm nhiều tiêu vùng;

b) Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn là quản lý, vận hành từng công trình thủy lợi riêng lẻ nhằm tạo nguồn và điều tiết nước cho các tiểu vùng.

2. Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tiểu vùng là quản lý, vận hành, cung cấp nước tưới và tiêu nước trực tiếp cho các diện tích sản xuất, hoặc bảo vệ đê bao kiểm soát lũ cho từng tiểu vùng, bao gồm:

a) Dịch vụ bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng;

b) Dịch vụ khai thác trạm bơm tưới, tiêu nước.

3. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi gọi tắt là đơn vị cung ứng dịch vụ.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ gọi tắt là người sử dụng dịch vụ.

5. Hiệp thương dịch vụ là sự thoả thuận giữa đơn vị cung ứng dịch vụ và người sử dụng dịch vụ về nội dung, mức phí cung ứng và sử dụng dịch vụ.

6. Công trình trạm bơm điện, dầu được xây dựng, lắp đặt động cơ để bơm tưới và tiêu nước cho diện tích sản xuất.

7. Đường nước (tưới hoặc tiêu) là hệ thống kênh, mương (bằng đất hoặc vật liệu khác) dẫn nước từ đầu mối của trạm bơm đến nơi sản xuất và ngược lại.

8. Tổ chức hợp tác dùng nước bao gồm ban quản lý tiểu vùng hoặc hội dùng nước tiểu vùng là hình thức hợp tác của những người cùng hưởng lợi từ công trình thủy lợi, đại diện nông dân trong tiểu vùng làm nhiệm vụ quản lý và bảo vệ công trình, quản lý các hoạt động dịch vụ bảo vệ đê bao và bơm tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất, dân sinh trong tiểu vùng.

9. Tiểu vùng là một khu vực diện tích đất sản xuất được bao đê bảo vệ khép kín.

Điều 5. Một số quy định chung

1. Các trạm bơm dầu phải có kế hoạch nâng cấp chuyển sang bơm điện, nhằm giảm chi phí bơm tưới tiêu và từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

2. Khi dự án, kế hoạch đầu tư trạm bơm điện có diện tích phục vụ tưới tiêu bao trùm cả đường nước bơm dầu và diện tích sử dụng nước từ bơm dầu, đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; tổ chức, cá nhân khai thác trạm bơm dầu phải đầu tư nâng cấp chuyển sang bơm điện; nếu không thực hiện thì phối hợp hoặc giao lại đường nước, cống đập điều tiết nước cho tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác trạm bơm điện. Tổ chức, cá nhân khai thác đường nước bơm dầu và người sử dụng dịch vụ được hưởng các chính sách tại Điều 21 của Quy định này.

3. Người sử dụng dịch vụ tưới, tiêu từ bơm dầu được quyền chuyển sang sử dụng dịch vụ từ bơm điện. Trường hợp trên 80% số người (hoặc trên 80% diện tích đất) sử dụng nước từ bơm dầu, đề nghị đầu tư nâng cấp chuyển sang bơm điện, nhưng tổ chức, cá nhân khai thác đường nước bơm dầu không thực



hiện thì phải phối hợp hoặc giao lại đường nước, công đập điều tiết nước cho tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác trạm bơm điện mới với phí dịch vụ tưới, tiêu thấp hơn bơm dầu và chủ động thời vụ, thời gian trong quá trình sản xuất. Việc phối hợp hoặc giao lại được thực hiện theo Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 21 của Quy định này.

4. Đường nước là công trình công cộng, những người có đất canh tác trong phạm vi mà đường nước đó cung cấp nước, tiêu nước có quyền sử dụng, khai thác nếu có hợp đồng sử dụng dịch vụ.

5. Đất sản xuất nằm trong khu vực của một hệ thống cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước đã ổn định thì người sử dụng dịch vụ chỉ có thể tách ra để sử dụng dịch vụ do hệ thống cung ứng khác hoặc tự cấp nước nhưng không ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu nước của người sử dụng dịch vụ khác trong các trường hợp sau:

a) Khi được phép thay đổi mục đích sử dụng đất mà tổ chức cung ứng dịch vụ cũ không thể đáp ứng nhu cầu sử dụng hoặc bị chia cắt địa hình, địa vật không thể tiếp tục sử dụng dịch vụ do hệ thống cũ cung ứng;

b) Do tổ chức cung ứng dịch vụ cũ không đủ điều kiện tiếp tục cung cấp dịch vụ, hoặc nhiều lần vi phạm hợp đồng không đảm bảo cung ứng dịch vụ tốt (phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã);

c) Do dự án thủy lợi khác (được cấp thẩm quyền phê duyệt) hoặc tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy hoạch thực hiện cắt diện tích đó ra khỏi hệ thống cũ, hoặc trùm lên cả hệ thống cũ để tạo thành hệ thống thủy lợi mới.

6. Hoạt động cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước phải bảo đảm hai hoạt động đồng thời là bơm tưới đủ nước và bơm tiêu nước chống ngập úng cho các người sử dụng nước để sản xuất trong suốt vụ.

7. Việc hiệp thương, đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước được tiến hành trên nguyên tắc công khai, tự nguyện, dân chủ và bình đẳng:

a) Tổ chức, cá nhân khác không được can thiệp vào mức phí sử dụng dịch vụ do sự thỏa thuận của người sử dụng dịch vụ và đơn vị cung ứng dịch vụ, mức phí này không được vượt quá mức trần do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trong trường hợp không thống nhất được mức phí thì hai bên cùng chính quyền địa phương bàn bạc để đi đến thống nhất mức phí chung;

b) Nhằm bảo đảm việc khai thác công trình thủy lợi và nguồn lợi từ nước đạt hiệu quả, trên tinh thần đem lại lợi ích cho người sử dụng dịch vụ và đơn vị cung ứng dịch vụ với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội chung cho khu vực.

8. Sản phẩm của dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là diện tích (ha) hoặc mét khối (m^3) được tưới nước, tiêu nước và cấp nước. Được xác định với các loại hình sau:

a) Sản phẩm cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước được tính theo diện tích gieo trồng và diện tích ao hồ nuôi thủy sản do các trạm bơm, máy bơm thực hiện;

b) Sản phẩm của dịch vụ bảo vệ đê bao tính theo diện tích sản xuất được kiểm soát lũ trong vụ Thu Đông;

c) Đối với dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn, tính theo diện tích do hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và điều tiết nước.

Chương II

NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ QUẢN LÝ, Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

Điều 6. Nội dung hoạt động dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

Hoạt động dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện để đảm bảo điều tiết và tạo nguồn nước phục vụ tưới tiêu và sinh hoạt đúng sản phẩm đã được đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch bao gồm:

1. Quản lý, điều hành, thu thập thông tin khí tượng thủy văn phục vụ cho công tác vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Tổ chức bảo vệ công trình theo phạm vi bảo vệ:

- Xác định phạm vi bảo vệ công trình;
- Trình cấp thẩm quyền phê duyệt phạm vi bảo vệ cho từng công trình, tổ chức cắm mốc và xây dựng hàng rào bảo vệ;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo vệ phạm vi bảo vệ công trình;
- Lập phương án, kế hoạch trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình trong mùa mưa, lũ, bão.

3. Vận hành khai thác công trình thủy lợi và điều tiết nước tạo nguồn cho sản xuất và cấp nước sinh hoạt:

- Lập kế hoạch vận hành khai thác hệ thống công trình và từng công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu;
- Vận hành đóng mở các công trình cống, đập, hồ chứa điều tiết nước theo yêu cầu của các tiểu vùng trong hệ thống và phục vụ tưới tiêu cho sản xuất, sinh hoạt;
- Thường xuyên kiểm tra năng lực phục vụ của công trình trong quá trình vận hành khai thác.

4. Thực hiện duy tu bảo dưỡng, nạo vét, sửa chữa công trình nhằm duy trì tuổi thọ và phát triển năng lực của công trình, phát huy hiệu quả cung ứng dịch vụ:

- Tổ chức duy tu bảo dưỡng công trình đúng định kỳ: thường xuyên tra dầu mỡ, nhớt, sơn chống sét vào các bộ phận máy móc thiết bị; dọn bờ kênh, vớt cỏ, vớt rác, các vật chướng ngại như chà, đống đá trong lòng công trình; bồi đắp mái kênh, bờ kênh; sửa chữa các hư hỏng nhỏ, nạo vét sạt lở cục bộ; bảo dưỡng bê tông, đá gạch xây (đối với kênh cứng hóa): tô trát, trich mạch, quét xi măng;

- Nạo vét bùn, cát bồi lắng lòng kênh, cống, đập, hồ chứa theo đúng quy mô thiết kế, nhiệm vụ của công trình;

- Sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản cố định, công trình thủy lợi được giao quản lý, nhằm đảm bảo quá trình hoạt động luôn đạt hiệu quả.

5. Định kỳ kiểm tra, theo dõi thường xuyên các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo tốt hoạt động cung ứng dịch vụ cho nhu cầu sử dụng:

a) Đối với trạm bơm trước khi vận hành cần kiểm tra bể hút, bể xả, máy bơm, động cơ, nhà trạm và hệ thống điện, cống, đập điều tiết nước và đường nước đảm bảo đủ nước tưới và tiêu úng khi cần thiết;

b) Đối với hệ thống đê chống lũ, thời gian trước, trong và sau lũ cần kiểm tra toàn bộ công trình đê, cống chống lũ. Kịp thời xử lý hư hỏng, sạt lở, lún sụt, không cho nước rò rỉ qua thân đê, thân cống đảm bảo sản xuất thu hoạch trọn vẹn;

c) Đối với hệ thống kênh rạch: kiểm tra mức độ bồi lắng, các hoạt động cản trở dòng chảy, đảm bảo đủ nước tưới và tiêu úng khi cần thiết;

d) Đối với hệ thống cống cần kiểm tra và sửa chữa để đảm bảo công tác vận hành đủ nước tưới, kịp thời tiêu úng và chống lũ;

đ) Đối với công trình hồ chứa, thời gian trước, trong khi tích nước cần kiểm tra toàn bộ công trình đê, đập, cống, tràn. Kịp thời xử lý hư hỏng, sạt lở, lún sụt, nứt nẻ không cho nước rò rỉ qua thân đê, đập, thân cống đảm bảo an toàn hồ chứa;

e) Đối với công trình kè cần kiểm tra và sửa chữa phần xây đúc, thảm đá, rọ đá, đá gạch xây, hành lang bảo vệ, lan can bằng sắt, thép và những hạng mục khác của công trình để đảm bảo công tác chống sạt lở.

6. Việc xây dựng mới, nâng cấp công trình thủy lợi nhằm mục đích hình thành vùng cung ứng dịch vụ mới hoặc để mở rộng diện tích của vùng cung ứng dịch vụ phải thực hiện đúng theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của công trình khác.

Điều 7. Danh mục và phương thức cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Nguyên tắc lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn được thực hiện theo thứ tự ưu tiên các phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch.

2. Danh mục và phương thức cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn được lựa chọn một trong hai phương thức đặt hàng hoặc giao kế hoạch, bao gồm:

a) Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn liên tỉnh, liên huyện;

b) Dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn nội huyện.

3. Danh mục và phương thức cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiêu vùng phục vụ sản xuất, bao gồm:

a) Dịch vụ bảo vệ đê bao chống lũ bảo vệ sản xuất tiêu vùng được lựa chọn một trong hai phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

b) Dịch vụ bơm tưới, tiêu nước kết hợp thực hiện theo phương thức đấu thầu.

c) Dịch vụ bơm tưới hoặc bơm tiêu thực hiện theo phương thức đấu thầu.

d) Trường hợp thực hiện dự án, kế hoạch đầu tư mới hệ thống trạm bơm điện phục vụ bơm tưới, tiêu nước. Ưu tiên thực hiện đấu thầu lựa chọn đơn vị đầu tư xây dựng trạm bơm điện và cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước.

đ) Trường hợp đến thời vụ sản xuất mà không có hoặc chỉ có một đơn vị cung ứng dịch vụ tham gia hiệp thương, đấu thầu để phục vụ sản xuất. Để kịp thời đảm bảo đúng lịch thời vụ, đơn vị tổ chức đấu thầu là cơ quan đại diện để lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ có đủ năng lực để đặt hàng. Nhưng phải được sự đồng thuận trên 80% người dân trong vùng sản xuất.

Điều 8. Điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng dịch vụ

Các tổ chức, cá nhân muốn được tham gia cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cần đảm bảo đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định năng lực tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TẠO NGUỒN

Điều 9. Phương thức đặt hàng, giao kế hoạch

1. Phương thức đặt hàng:

Trên cơ sở dự toán thu, cấp bù miễn thủy lợi phí hàng năm được Ủy ban nhân tỉnh giao, đã xác định diện tích cần tạo nguồn nước, số lượng công trình, khối lượng sản phẩm phải quản lý, bảo vệ, vận hành khai thác và duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nạo vét, cơ quan đặt hàng lập kế hoạch đặt hàng cụ thể gửi cơ quan tài chính tổng hợp trong kế hoạch ngân sách và trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

2. Phương thức giao kế hoạch:

Đơn vị được giao kế hoạch phải lập kế hoạch hàng năm về nội dung hoạt động cung ứng dịch vụ theo Điều 6 của Quy định này để tạo nguồn và điều tiết nước phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước báo cáo cơ quan giao kế hoạch xem xét.

3. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đặt hàng và giao kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Điều 10. Nguồn kinh phí, cấp phát và thanh, quyết toán kinh phí hợp đồng đặt hàng, giao kế hoạch cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn

1. Hoạt động dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn được sử dụng từ nguồn kinh phí hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ cấp bù miễn thủy lợi phí hàng năm. Nội dung sử dụng kinh phí thực hiện theo Thông tư số 178/2014/TT-BTC, cụ thể:

a) Công tác nạo vét và duy tu sửa chữa công trình thủy lợi sử dụng theo quy trình, thủ tục nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư;

b) Đối với công tác quản lý, bảo vệ, vận hành khai thác và duy tu bảo dưỡng công trình sử dụng theo quy trình, thủ tục nguồn vốn sự nghiệp.

2. Việc cấp phát và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện bằng lệnh chi tiền thông qua hệ thống tài chính – kho bạc theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Căn cứ vào nội dung hợp đồng đặt hàng, quyết định giao kế hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị nhận quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và công trình thủy lợi tạo nguồn lập dự toán năm chia từng quý, chia theo nhiệm vụ cụ thể: quản lý điều hành, bảo vệ, vận hành khai thác, duy tu bảo dưỡng, nạo vét và sửa chữa công trình thủy lợi gửi cơ quan đặt hàng, giao kế hoạch tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung toàn tỉnh gửi Sở Tài chính để làm căn cứ cấp phát.

4. Hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí của đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và công trình thủy lợi tạo nguồn với cơ quan đặt hàng, giao kế hoạch; quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước bao gồm:



a) Trường hợp đặt hàng: Hợp đồng đặt hàng, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và công trình thủy lợi tạo nguồn, cùng các tài liệu khác có liên quan;

b) Trường hợp giao kế hoạch: Quyết định giao kế hoạch, biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn và công trình thủy lợi tạo nguồn, cùng các tài liệu khác có liên quan.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ BƠM TƯỚI, TIÊU NƯỚC VÀ BẢO VỆ ĐÊ BAO CHỐNG LŨ TIỂU VÙNG

Điều 11. Đơn vị tổ chức đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng

1. Tổ chức hợp tác dùng nước là đơn vị tổ chức đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng. Tổ chức hợp tác dùng nước được:

a) Giao nhiệm vụ quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi trong tiểu vùng;

b) Đại diện cho người sử dụng dịch vụ và phải được hơn 80% số người sử dụng dịch vụ trong tiểu vùng thống nhất.

2. Tổ chức hợp tác dùng nước được thành lập theo các văn bản sau đây:

- Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

- Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/07/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP;

- Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn việc thành lập, củng cố và phát triển tổ chức hợp tác dùng nước.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức và hướng dẫn việc thành lập các tổ chức hợp tác dùng nước, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đấu thầu, đặt hàng hoạt động cung ứng dịch vụ bơm tưới tiêu và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng.

Điều 12. Hiệp thương về phương thức, nội dung cung ứng, sử dụng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng

1. Trước khi lập kế hoạch đấu thầu, đặt hàng cung ứng, sử dụng dịch vụ, các đơn vị tổ chức đấu thầu, đặt hàng dịch vụ phải tổ chức hiệp thương lấy ý kiến thống nhất của người sử dụng dịch vụ về phương thức và nội dung cung ứng, sử dụng dịch vụ. Nội dung biên bản hiệp thương bao gồm:

- a) Phương thức đấu thầu, đặt hàng;
- b) Loại hình sử dụng dịch vụ (bơm tưới, tiêu nước, bảo vệ đê chống lũ tiểu vùng);
- c) Thời hạn hợp đồng;
- d) Thời gian, biện pháp cung ứng và sử dụng dịch vụ;
- đ) Mức phí sử dụng dịch vụ phải được thỏa thuận cụ thể theo từng loại hình sử dụng dịch vụ (tưới, tiêu, chống lũ, tạo nguồn và điều tiết nước cho từng loại cây trồng, vật nuôi). Tùy theo trường hợp bơm tưới và tiêu nước từng vụ, cả năm thì mức phí sử dụng dịch vụ có thể thỏa thuận khoán gọn hoặc linh hoạt cho từng vị trí đất (đất gò cao; đất trũng thấp; đất tự tưới; tiêu thấm; đất tưới, tiêu tự chảy tràn; đất tưới, tiêu chuyên cấp 2, cấp 3).
- e) Thời gian và cách thu, nộp phí sử dụng dịch vụ;
- g) Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của các bên tham gia;
- h) Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng.

2. Biên bản hiệp thương có giá trị khi có ít nhất 80% số hộ sử dụng dịch vụ tham gia hoặc có người đại diện ký vào biên bản hiệp thương (Những người đại diện này phải có giấy ủy quyền của một nhóm hộ, để tổng cộng có sự ủy quyền của ít nhất 80% hộ sử dụng dịch vụ trong khu vực).

3. Trường hợp những hoạt động dịch vụ bơm tưới, tiêu nước đã được ký hợp đồng dài hạn, hàng năm phải tổ chức hiệp thương lại nội dung và giá cung ứng dịch vụ. Hết thời hạn hợp đồng phải tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng lại.

Điều 13. Phương thức đấu thầu và đặt hàng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng

Căn cứ vào biên bản hiệp thương về cung ứng và sử dụng dịch vụ, đơn vị tổ chức đấu thầu và đặt hàng thực hiện:

1. Phương thức đấu thầu:

a) Điều kiện tổ chức đấu thầu thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP như sau:

- Lập kế hoạch đấu thầu với hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một túi hồ sơ mời thầu, có đầy đủ nội dung về tên, giá, hình thức, quy mô gói thầu, nguồn vốn, thời gian sử dụng dịch vụ, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ dự thầu, ngày và địa điểm mở thầu, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt;

- Thông báo mời thầu được đăng tải trên trang web Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang, đài phát thanh cấp xã, tại Ủy ban nhân dân cấp xã và tại khu vực đất sản xuất.

b) Điều kiện tham dự đấu thầu: Tất cả các tổ chức, cá nhân đều được tham gia đấu thầu nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP và Điều 8 của Quy định này.

c) Điều kiện thực hiện đấu thầu:

- Có ít nhất 80% số người sử dụng dịch vụ tham gia hoặc có người đại diện (Những người đại diện này phải có giấy ủy quyền của một nhóm người, để tổng cộng có sự ủy quyền của ít nhất 80% người sử dụng dịch vụ trong khu vực);

- Có từ 02 tổ chức cung ứng dịch vụ trở lên xin tham gia;

- Trường hợp không có hoặc chỉ có 01 tổ chức cung ứng dịch vụ tham dự, khi hết thời gian thông báo đấu thầu thì gia hạn thêm thời gian mở thầu cuối cùng chậm nhất là trước xuống giống 30 ngày;

- Trường hợp đến ngày mở thầu cuối cùng (hết thời gian gia hạn) chỉ có 01 đơn vị cung ứng dịch vụ tham dự thì phải có ít nhất 80% số người sử dụng dịch vụ đồng ý mới thực hiện mở gói thầu tham dự và tổ chức thương thảo và ký hợp đồng thực hiện dịch vụ;

- Trường hợp đến ngày mở thầu cuối cùng không có đơn vị cung ứng dịch vụ tham dự thì đơn vị tổ chức đấu thầu cùng hiệp thương với người sử dụng dịch vụ để tìm đơn vị cung ứng dịch vụ đặt hàng;

- Đơn vị tổ chức đấu thầu lập biên bản về tình hình, nội dung đấu thầu cho bên tham gia cùng ký tên thống nhất và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý địa bàn.

2. Phương thức đặt hàng:

a) Tất cả các tổ chức, cá nhân đều được tham gia đặt hàng cung ứng dịch vụ nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện trong Điều 8 của Quy định này;

b) Có ít nhất 80% số người sử dụng dịch vụ hoặc có người đại diện thống nhất (Những người đại diện này phải có giấy ủy quyền của một nhóm người, để tổng cộng có sự ủy quyền của ít nhất 80% người sử dụng dịch vụ trong khu vực).

c) Trường hợp đến mùa vụ sản xuất (trước lịch thời vụ 30 ngày) mà những người sử dụng dịch vụ chưa tìm và thống nhất được tổ chức, cá nhân nào để đặt hàng cung ứng dịch vụ thì đơn vị đặt hàng sẽ chọn đơn vị nhận đặt hàng, bao gồm: Công ty nhà nước; công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn; công ty cổ phần; đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; doanh nghiệp tư nhân; hợp tác xã; tổ chức hợp tác khác tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; các tổ chức khác của Nhà nước được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Quy trình, thủ tục đấu thầu và đặt hàng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng:

a) Đối với phương thức đấu thầu:

Theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính

khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

b) Đối với phương thức đặt hàng:

Quy trình, thủ tục, hồ sơ đặt hàng thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Điều 14. Giá, đơn giá đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng và thời gian cung ứng dịch vụ

1. Giá, đơn giá gói thầu, đặt hàng do đơn vị tổ chức đấu thầu, đặt hàng xây dựng giá trần dựa trên:

a) Mức trần và mức sàn phí dịch vụ bơm tưới, tiêu do Sở Tài chính thông báo hàng năm;

b) Định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí quản lý hiện hành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Biên bản hiệp thương của tổ chức đấu thầu, đặt hàng với hộ sử dụng dịch vụ.

2. Giá hợp đồng giao thầu và đặt hàng dựa trên cơ sở mức phí sử dụng dịch vụ trong biên bản hiệp thương, giá trúng thầu, giá đặt hàng và giá thương thảo trong ngày tổ chức đấu thầu, đặt hàng.

3. Thời gian cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước từ trạm bơm điện sau khi được giao thầu hoặc đặt hàng được thực hiện:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ khi đầu tư xây dựng mới hệ thống trạm bơm điện được quyền khai thác trạm bơm điện từ 07 (bảy) đến 12 (mười hai) năm. Thời hạn khai thác cụ thể được thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên hàng năm phải hiệp thương lại giá gói thầu, đặt hàng theo mức trần và mức sàn được Sở Tài chính thông báo hàng năm.

b) Có hai trường hợp kết thúc quyền khai thác trạm bơm điện trước thời hạn theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Do nhà đầu tư vi phạm những thỏa thuận với Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc vi phạm thỏa thuận với người dân sử dụng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

- Có ý kiến thống nhất bằng hoặc trên 80% số người dân sử dụng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước trong vùng dự án trạm bơm điện đề nghị lại quyền khai thác trực tiếp với các hình thức tổ hợp tác theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn này, nhà đầu tư cũng đã có thời gian khai thác ít nhất là 2/3 thời gian quyền khai thác tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

c) Việc chấm dứt trước thời hạn này sẽ được xem xét để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư trước đó. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện để có hướng dẫn cụ thể.

Hết thời hạn khai thác trạm bơm điện, Ủy ban nhân dân cấp huyện định giá và xác lập quyền sở hữu cho hợp tác xã, tổ hợp tác nơi đặt hệ thống trạm bơm. Hết thời gian khấu hao, đương nhiên công trình thủy lợi (kênh, cống tưới tiêu; bể hút, bể xả; nhà trạm) là tài sản chung của nông dân, không chia cắt, không của riêng cá nhân, tập thể nào.

4. Thời gian cung ứng dịch vụ bảo vệ đê bao sau khi được giao thầu hoặc đặt hàng được thực hiện một năm. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ đầu tư gia cố, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đê bao, cống bọng và được sự đồng ý thỏa thuận, hiệp thương của tổ chức hợp tác dùng nước đại diện cho ít nhất 80% người sử dụng dịch vụ, thì thời gian cung ứng dịch vụ tùy thuộc vào kết quả hiệp thương.

Điều 15. Nguồn kinh phí thanh toán hợp đồng giao thầu, đặt hàng, cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng

1. Kinh phí để thanh toán hợp đồng giao thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và bảo vệ đê bao chống lũ tiểu vùng là do người sử dụng dịch vụ chi trả theo hợp đồng.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ sử dụng kinh phí của người sử dụng dịch vụ để thực hiện đúng hợp đồng giao nhận thầu, đặt hàng và nội dung hoạt động dịch vụ trong biên bản hiệp thương.

Chương V

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA CÁC BÊN THAM GIA

Điều 16. Nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức cung ứng dịch vụ

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ trong quá trình cung ứng dịch vụ:

a) Tự trang bị phương tiện, vật liệu, máy móc, thiết bị, nhân lực dùng để cung ứng dịch vụ, kể cả các chi phí về nhiên liệu, điện năng tiêu thụ, tiền lương, chi phí khác; song song đó phải trang bị thêm các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng khi cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo cung ứng dịch vụ tốt nhất;

b) Tổ chức cung ứng dịch vụ ký kết hợp đồng với đơn vị tổ chức đấu thầu, đặt hàng của khu vực sử dụng dịch vụ;

c) Thông báo quy trình cung ứng dịch vụ dựa trên lịch sử dụng dịch vụ;

d) Thường xuyên kiểm tra lắp đặt tiếp địa vỏ máy bơm, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, máy móc và các công trình thủy lợi sử dụng cho việc cung ứng dịch vụ;

đ) Cung ứng dịch vụ đến vị trí sử dụng và đúng theo yêu cầu sử dụng dịch vụ đã được nêu trong hợp đồng;

e) Nộp đầy đủ các khoản thuế đúng quy định của nhà nước. Đồng thời, phải có trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ có quyền lợi trong quá trình cung ứng dịch vụ:

a) Yêu cầu đơn vị đấu thầu, đặt hàng ký hợp đồng, cung cấp các tài liệu liên quan đến việc sử dụng dịch vụ của từng hộ sử dụng dịch vụ;

b) Kiểm tra qui mô, loại đất, loại hình, lịch trình sử dụng dịch vụ;

c) Thu phí sử dụng dịch vụ như đã cam kết trong hợp đồng;

d) Yêu cầu cơ quan chức năng xác minh, xử lý các hành vi vi phạm hợp đồng và yêu cầu người sử dụng dịch vụ bồi thường thiệt hại do hành vi đó gây ra. Cụ thể:

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác công trình tạo nguồn do cấp tỉnh quản lý thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính xác minh, xử lý.

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình tạo nguồn do cấp huyện quản lý thì Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế), Phòng Tài chính xác minh, xử lý.

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và quản lý đê bao chống lũ tiểu vùng do cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân cấp xã, tổ chức hợp tác dùng nước xác minh, xử lý.

- Đối với trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ không thống nhất với những xử lý của các cơ quan chức năng, có quyền khiếu kiện đến cơ quan pháp luật xem xét xử lý.

Điều 17. Nghĩa vụ và quyền lợi tổ chức hợp tác dùng nước

1. Tổ chức hợp tác dùng nước có nghĩa vụ trong quá trình sử dụng dịch vụ:

a) Thực hiện trách nhiệm trong Điều 13 của Nghị định số 151/2007/NĐ-CP; đồng thời, phải có trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước;

b) Đại diện người sử dụng dịch vụ ký kết hợp đồng và cung cấp qui mô, loại đất, loại hình, lịch trình sử dụng dịch vụ cho tổ chức cung ứng dịch vụ;

c) Việc thu và nộp phí sử dụng dịch vụ theo đúng quy định từ người sử dụng dịch vụ cho tổ chức cung ứng dịch vụ;

d) Kiểm tra quá trình, nội dung hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ đúng theo yêu cầu đã được nêu trong hợp đồng;

đ) Tổ chức hiệp thương, lập kế hoạch đấu thầu, đặt hàng sử dụng dịch vụ;

e) Chủ trì phối hợp với người sử dụng dịch vụ lập kế hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các công trình thủy lợi phục vụ cho việc cung ứng dịch vụ;

g) Lấy ý kiến và tổng hợp yêu cầu của người sử dụng dịch vụ về chất lượng dịch vụ và nâng cấp hệ thống trạm bơm điện, hệ thống thủy lợi điều tiết tưới, tiêu nhằm nâng cao hiệu quả và giảm chi phí bơm;

h) Yêu cầu các cấp có thẩm quyền xem xét hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn không đủ cung cấp nước cho tiểu vùng;

i) Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình hiệp thương, đấu thầu và quá trình cung ứng, sử dụng dịch vụ.

2. Quyền lợi của tổ chức hợp tác dùng nước:

a) Thực hiện quyền lợi trong Điều 12 của Nghị định số 151/2007/NĐ-CP;

b) Được tham gia cung ứng dịch vụ đối với những tiểu vùng khác (ngoài phạm vi tiểu vùng quản lý) trong phạm vi hành chính cấp xã mà Ủy ban nhân dân cấp xã đó đã chứng thực hợp đồng hợp tác. Trường hợp cần mở rộng hoạt động ra nhiều xã khác thì trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chứng thực hợp đồng hợp tác;

c) Yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ ký hợp đồng, cung cấp quy trình cung ứng dịch vụ;

d) Yêu cầu tạm ngưng cung ứng hoặc sử dụng dịch vụ của các bên trong trường hợp các bên vi phạm hợp đồng, các hành vi không đúng pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Đồng thời tham gia hòa giải, giải quyết các hành vi đó;

đ) Yêu cầu chính quyền xác minh, xử lý các hành vi không đúng pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và hành vi vi phạm hợp đồng trong trường hợp các bên không thống nhất cách giải quyết;

e) Yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ nâng cấp hệ thống trạm bơm điện, hệ thống thủy lợi điều tiết nước tưới, tiêu nước nhằm nâng cao hiệu quả và giảm chi phí bơm.

g) Được hưởng lệ phí thu phí cung ứng dịch vụ theo qui định hiện hành của Nhà nước.

Điều 18. Nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ

1. Người sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ trong quá trình sử dụng dịch vụ:

a) Cung cấp qui mô, loại đất, loại hình, lịch trình sử dụng dịch vụ cho tổ chức hợp tác dùng nước;

b) Nộp đầy đủ phí sử dụng dịch vụ đã cam kết trong biên bản hiệp thương, hợp đồng;

c) Sử dụng dịch vụ đúng theo yêu cầu đã được nêu trong hợp đồng.

2. Quyền lợi của người sử dụng dịch vụ:

a) Lựa chọn tổ chức hợp tác dùng nước;

b) Tham dự và thoả thuận các nội dung hiệp thương;

c) Lựa chọn tổ chức cung ứng dịch vụ;

d) Nếu không tham dự hiệp thương hoặc không đồng ý tổ chức hợp tác dùng nước và tổ chức cung ứng dịch vụ đó thì có quyền trình bày ý kiến bất đồng của mình để chính quyền giải quyết, nhưng phải chấp thuận theo đa số (lớn hơn 80%) đã được thống nhất;

đ) Yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ cung cấp quy trình cung ứng dịch vụ;

e) Yêu cầu cơ quan chức năng xác minh, xử lý hành vi vi phạm hợp đồng, những sai phạm của tổ chức hợp tác dùng nước và yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ bồi thường thiệt hại do hành vi đó gây ra:

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình tạo nguồn do cấp tỉnh quản lý thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính xác minh, xử lý.

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình tạo nguồn do cấp huyện quản lý thì Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế), Phòng Tài chính xác minh, xử lý.

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước và quản lý đê bao chống lũ tiêu vùng do cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân cấp xã, tổ chức hợp tác dùng nước xác minh, xử lý.

- Đối với trường hợp người sử dụng dịch vụ không thống nhất với những xử lý của các cơ quan chức năng, có quyền khiếu kiện đến cơ quan pháp luật xem xét xử lý.

Chương VI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Điều 19. Chính sách hỗ trợ do thiên tai

Trường hợp khi thiên tai xảy ra gây hư hỏng công trình thủy lợi, mất mùa, thiệt hại về năng suất, sản lượng cây trồng. Nhà nước xem xét hỗ trợ một phần chi phí để sửa chữa, khôi phục lại công trình do thiên tai phá hoại, hỗ trợ một phần chi phí cho người trực tiếp sản xuất (giống và các hỗ trợ khác theo quy định) từ nguồn dự phòng ngân sách của địa phương (sau khi cân đối) và xin hỗ trợ từ nguồn ngân sách của Trung ương (Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa; thủy lợi phí; khắc phục hậu quả thiên tai; phòng, chống hạn hán và xâm nhập mặn; các nguồn khác theo quy định) với nội dung như sau:

1. Trường hợp bơm tưới, tiêu nước vượt định mức:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước phải tập trung bơm chống hạn, chống úng vượt quá mức độ bình thường để kịp thời hạn chế thiệt hại thấp nhất về sản xuất. Lập báo cáo ngay tình hình bơm chống hạn, chống úng (diện tích, thời gian, mức nước cần bơm và sự trợ giúp về phương tiện). Đồng thời đề nghị được hỗ trợ chi phí nhiên liệu, điện năng vượt định mức;

b) Nhà nước chỉ hỗ trợ chi phí nhiên liệu, điện năng để bơm tưới, tiêu nước vượt định mức của tổ chức cung ứng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước, khi hợp đồng với người sử dụng nước với hình thức khoán gọn bơm tưới và tiêu úng cả năm, so với mức phí trong điều kiện bình thường;

c) Đối với những tiểu vùng sản xuất được tổ chức cung ứng dịch vụ hợp đồng bơm tưới, tiêu úng cho từng vụ hoặc phát sinh theo từng đợt cục bộ thì người sử dụng dịch vụ được hỗ trợ chi phí nhiên liệu, điện năng để bơm tưới, tiêu nước vượt định mức;

d) Chi phí nhiên liệu, điện năng vượt định mức được xác định trên cơ sở định mức bơm tưới, tiêu nước bình quân hàng năm trong điều kiện bình thường của khu vực hoạt động dịch vụ.

2. Trường hợp thiên tai bất khả kháng làm hư hỏng các công trình thủy lợi (ngoài kế hoạch của tổ chức cung ứng dịch vụ) ảnh hưởng đến hoạt động dịch vụ gây thiệt hại cho sản xuất:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ phải tập trung bảo vệ, khắc phục kịp thời nhằm hạn chế thấp nhất hư hỏng công trình, thiệt hại sản xuất và báo cáo khẩn cấp về tình trạng hư hỏng cần bảo vệ, khắc phục công trình thủy lợi và yêu cầu sự trợ giúp nếu không đủ khả năng xử lý. Đồng thời đề nghị được hỗ trợ chi phí sửa chữa công trình; trình tự thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 43/2003/NĐ-CP;

b) Nhà nước hỗ trợ 50% chí phí sửa chữa công trình;

c) Chi phí sửa chữa công trình được xác định trên cơ sở công trình đó đã và đang đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động cung ứng dịch vụ.

3. Trường hợp thiên tai xảy ra gây mất mùa hoặc giảm năng suất cây trồng.

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ thực hiện miễn, giảm thủy lợi phí dịch vụ bơm tưới, tiêu nước cho những người sử dụng nước, lập hồ sơ xin cấp phần thủy lợi phí dịch vụ bơm tưới, tiêu nước bị thất thu trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và theo các mức sau:

- Thiệt hại dưới 30% sản lượng thì giảm 50% thủy lợi phí;
- Thiệt hại từ 30% đến dưới 50% sản lượng thì giảm 70% thủy lợi phí;
- Thiệt hại từ 50% sản lượng trở lên thì miễn thủy lợi phí.

b) Ngoài ra, Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí cho người trực tiếp sản xuất như giống và các hỗ trợ khác theo quy định.

Điều 20. Quy trình xét cấp kinh phí cho việc phòng, chống úng, hạn và sửa chữa công trình thủy lợi bị hư hỏng do thiên tai được thực hiện như sau:

1. Khi thiên tai xảy ra gây mất mùa, thiệt hại về năng suất, sản lượng cây trồng và hư hỏng công trình thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành thành lập đoàn (bao gồm tổ chức cung ứng dịch vụ và người sử dụng dịch vụ) kiểm tra thực tế xem xét đánh giá xác định mức độ thiệt hại, lập biên bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xác định mức bơm tưới, tiêu nước của từng vùng, đánh giá hư hỏng công trình thủy lợi và xác định mức độ thiệt hại năng suất, sản lượng cây trồng.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí hỗ trợ phòng chống thiên tai gây ra đối với tổ chức cung ứng dịch vụ do tỉnh và huyện quản lý:

a) Khi thiên tai xảy ra trên diện rộng (từ 02 tỉnh, thành trong khu vực trở lên): xin hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh;

b) Khi thiên tai xảy ra cục bộ (trên địa bàn tỉnh): hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách dự phòng của tỉnh, huyện.

4. Phòng Tài chính, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch và quyết toán kinh phí đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ xã quản lý:

a) Khi thiên tai xảy ra trên diện rộng (trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố): hỗ trợ từ ngân sách dự phòng của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố.

b) Khi thiên tai xảy ra cục bộ (trên địa bàn các xã, phường, thị trấn): hỗ trợ từ ngân sách dự phòng của các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

Điều 21. Chính sách đầu tư chuyển bơm dầu sang bơm điện

1. Ưu tiên cho các chủ đường nước bơm dầu và nông dân có đất sản xuất trong vùng thực hiện đầu tư chuyển từ bơm dầu sang xây dựng trạm bơm điện để phục vụ bơm tưới, tiêu nước trong khu vực của mình.

2. Thực hiện phát triển hệ thống trạm bơm điện; các chủ đường nước bơm dầu nhỏ lẻ phải hợp tác với nhau hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện để tạo thành hệ thống bơm tưới, tiêu nước cho cả khu vực theo quy hoạch được duyệt của cấp thẩm quyền.

3. Nhà nước hỗ trợ tiền điện bơm tưới và tiêu cho các hộ sử dụng dịch vụ do các tổ chức cung cấp dịch vụ đã đầu tư hệ thống trạm bơm điện, với các nội dung sau:

a) Điều kiện để được hỗ trợ tiền điện:

- Hệ thống trạm bơm điện được đầu tư phục vụ sản xuất ở vùng núi, có cao trình mặt đất tự nhiên lớn hơn +3.0m, với diện tích lớn hơn 100 ha;

- Hệ thống trạm bơm điện được đầu tư phục vụ sản xuất trong một tiêu vùng, với diện tích lớn hơn 500 ha;

- Công trình trạm bơm được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, có nhà trạm, bể hút, bể xả, công điều tiết, kênh nội đồng;

- Tổ chức cung cấp dịch vụ bơm tưới, tiêu nước cho cả vụ (hoặc cả năm).

b) Đối tượng được hỗ trợ theo điều kiện nêu trên:

- Hộ sử dụng dịch vụ bơm tưới, tiêu nước bằng trạm bơm điện;

- Tính theo diện tích sản xuất của từng vụ có sản xuất.

c) Mức hỗ trợ tính bằng tiền trên cơ sở giá điện hiện hành nhân với định mức điện được hỗ trợ theo vùng:

- Vùng núi có cao trình mặt đất tự nhiên lớn hơn +3.0 m: được hỗ trợ 450 kwh/ha/vụ;

- Vùng đất có cao trình mặt đất tự nhiên trung bình từ +1.5 đến + 3.0 m: được hỗ trợ 400 kwh/ha/vụ;

- Vùng đất có cao trình mặt đất tự nhiên thấp hơn +1.5 m: được hỗ trợ 350 kwh/ha/vụ.

d) Hình thức hỗ trợ:

- Tổng số tiền hỗ trợ do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) chi trả cho từng tổ chức cung ứng dịch vụ theo diện tích phục vụ, có danh sách người sử dụng nước được xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tổ chức cung ứng dịch vụ tổ chức thu phí dịch vụ theo hợp đồng đã ký từ người sử dụng dịch vụ, phải trừ đi phần tiền đã được hỗ trợ.

đ) Nguồn kinh phí sử dụng cho việc hỗ trợ tiền điện theo điều kiện và đối tượng nêu trên được sử dụng từ nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí hàng năm.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp diện tích và kinh phí hỗ trợ, thông qua Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện để phục vụ bơm tưới, tiêu nước cần phải sử dụng đường nước bơm dầu hiện có, mà đường nước này nằm trong diện tích đất của cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì chủ đường nước bơm dầu được hưởng các chính sách sau:

a) Được góp vốn cổ phần trong tổ hợp tác đầu tư khai thác trạm bơm điện với hình thức bằng tiền, tài sản khác hoặc xem đường nước là tài sản;

b) Được tham gia quản lý vận hành khai thác trạm bơm điện, điều tiết nước trong khu vực mà trước đây đường nước bơm dầu đã phục vụ hoặc có thỏa thuận khác;

c) Nếu không chấp thuận theo Điểm a và b, Khoản 4 Điều này thì được tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện hoàn trả giá trị hiện còn sử dụng của đường nước đó (bao gồm chi phí đào đắp và giá trị diện tích đất được xác định tại Khoản 6 của Điều này). Sau đó đường nước này sẽ thuộc hệ thống tưới tiêu của trạm bơm điện;

d) Nếu không thỏa thuận để thực hiện các trường hợp tại Điểm a, b, c Khoản 4 Điều này, thì tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện phải trả khoản chi phí thuê đường nước với giá trị bằng với giá trị sản lượng (lúa và hoa màu) được sản xuất trên diện tích mà đường nước đó sử dụng.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện để phục vụ bơm tưới, tiêu nước cần phải sử dụng đường nước bơm đầu hiện có, mà đường nước này là của chung nhiều người sử dụng dịch vụ, thì chủ đường nước bơm đầu và những người sử dụng dịch vụ đó được hưởng các chính sách sau:

a) Được góp vốn cổ phần trong tổ hợp tác đầu tư khai thác trạm bơm điện;

b) Được tham gia quản lý vận hành khai thác trạm bơm điện, điều tiết nước trong khu vực mà trước đây đường nước bơm đầu đã phục vụ hoặc có thỏa thuận khác;

c) Tổ chức, cá nhân đầu tư trạm bơm điện không được hạch toán chi phí xây dựng đường nước này vào giá thành dịch vụ bơm tưới tiêu. Vì đường nước này là hệ thống tưới tiêu của trạm bơm điện.

6. Trường hợp mở rộng, xây, đào mới hệ thống thủy lợi đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, nhằm giải quyết chống lũ, úng, hạn phục vụ cho tập thể mà buộc phải sử dụng diện tích đất của một vài hộ dân thì phải bồi hoàn huê lợi cho hộ mất đất theo giá thỏa thuận tại thời điểm giao, nhận tiền. Giá thỏa thuận không cao hơn 1,3 lần giá thị trường, tùy vào các trường hợp sau:

a) Trường hợp công trình thủy lợi đi theo ranh giữa 02 thửa đất của 02 hộ thì sử dụng mỗi thửa một nửa để xây dựng công trình, giá thỏa thuận không cao hơn 1,1 lần giá thị trường;

b) Trường hợp công trình thủy lợi đi qua một phần hoặc giữa đất của 01 hộ dân thì giá thỏa thuận không cao hơn 1,3 lần giá thị trường;

c) Nếu không thỏa thuận được thì chính quyền địa phương xem xét một số giải pháp như: thay đổi phương án kỹ thuật, đổi diện tích đất sản xuất, áp dụng luật đất đai, luật đê điều, phòng chống thiên tai, vận động tập thể nông dân có lợi ích chung, để tổ chức thực hiện theo quyền lợi của tập thể;

d) Nếu vì lý do nào đó mà hệ thống thủy lợi này không sử dụng nữa thì giao đất cho các hộ đã bị mất đất trước đây để tiếp tục canh tác.

7. Trường hợp không thỏa thuận được với các chủ đường nước bơm đầu theo các Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều này, thì áp dụng Khoản 3, Khoản 4 Điều này; chính quyền địa phương tổ chức vận động người sử dụng nước sử dụng dịch vụ từ trạm bơm điện để được hưởng chính sách hỗ trợ tiền điện tại Khoản 3 Điều này.



8. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ đầu tư mới toàn bộ hay một phần chi phí xây dựng và bồi thường huê lợi (trừ chi phí duy tu bảo dưỡng, nạo vét và sửa chữa) để tạo thành công trình thủy lợi phục vụ công cộng, thì khi chuyển giao cho tổ chức cung ứng dịch vụ khác sẽ được nhận lại khoản chi phí ấy trừ đi giá trị đã khấu hao từ tổ chức cung ứng dịch vụ mới (thời gian khấu hao cơ bản đối với công trình bằng đất từ 05 đến 10 năm và đối với công trình xây đúc từ 10 đến 20 năm (công trình nhỏ và lớn). Hết thời gian khấu hao, đương nhiên công trình thủy lợi là tài sản chung của nông dân, không chia cắt, không của riêng cá nhân, tập thể nào.

9. Các tổ chức, cá nhân khi đầu tư chuyển từ bơm dầu sang bơm điện, hoặc đầu tư mới xây dựng trạm bơm điện được hưởng chính sách ưu đãi:

a) Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống trạm bơm điện sẽ được Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tỉnh An Giang tiếp nhận hồ sơ trình Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét cho vay vốn đầu tư hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước;

b) Trường hợp Ngân hàng Phát triển Việt Nam không cân đối được nguồn vốn để cho vay hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư thì Ngân sách tỉnh sẽ xem xét thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho phần vốn vay Ngân hàng Thương mại để đầu tư xây dựng hệ thống trạm bơm điện trong thời hạn ba năm. Mức hỗ trợ lãi suất được tính trên dư nợ vay tại Ngân hàng Thương mại nhân với 50% của lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước trong từng thời điểm do Bộ Tài chính quy định;

c) Hoạt động đầu tư đường dây trung thế và trạm biến áp phân phối của Công ty Điện lực 2 cũng như của các tổ chức, cá nhân đầu tư theo Điểm a Khoản 9 Điều này (có hình thức đầu tư giống nhau), về cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư sẽ được thực hiện theo thỏa thuận như của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Công ty Điện lực 2 hiện nay.

10. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng thành lập hội đồng thẩm định giá bồi hoàn huê lợi đất tại thời điểm thỏa thuận của các bên tham gia, đồng thời xác định thời gian khấu hao công trình, giá trị khấu hao của từng công trình, nhằm thực hiện các khoản trên. Trong trường hợp cần thiết, sau khi thực hiện các Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều này mà chưa thỏa thuận được với chủ đường nước bơm dầu thì thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn chi tiết quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang; hướng dẫn các chính sách về hoạt động cung ứng dịch vụ.

2. Thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Đề xuất và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương thức đặt hàng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi tạo nguồn đối với những hệ thống công trình thủy lợi đặc thù.

4. Hướng dẫn và hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thành lập các tổ chức hợp tác dùng nước và trình tự thủ tục thực hiện các phương thức cung ứng dịch vụ.

5. Báo cáo tình hình cung ứng và sử dụng dịch vụ, đề hướng dẫn cho địa phương, tổ chức hợp tác dùng nước và tổ chức cung ứng dịch vụ tổ chức thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh.

6. Chủ trì phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức đào tạo, tập huấn cấp giấy chứng chỉ hành nghề về quản lý, vận hành khai thác trạm bơm tưới, tiêu nước, công trình kênh, cống, đê bao cho các tổ chức cung ứng dịch vụ tiểu vùng, theo đúng quy định của Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT.

7. Tổ chức thanh tra chuyên ngành về hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, phối hợp với địa phương có liên quan giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

8. Tổ chức nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào các hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

9. Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 23. Các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức và hướng dẫn đăng ký kinh doanh dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ban ngành hữu quan thực hiện:

- Bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ các hoạt động dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Xây dựng và thông báo giá thành dịch vụ bơm tưới, tiêu nước theo từng năm;

- Hướng dẫn tổ chức hợp tác dùng nước cách thu và hưởng lệ phí thu phí cung ứng dịch vụ theo qui định hiện hành của Nhà nước;

Điều 24. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện đổi mới công tác quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ở địa phương.

2. Triển khai thực hiện công tác quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi hàng năm do địa phương quản lý. Tổ chức thành lập Tổ chức hợp tác dùng nước và từng bước xã hội hóa hoạt động này.

3. Quyết định theo thẩm quyền để thực hiện phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tạo nguồn do cấp huyện quản lý.

4. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 25. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Lập kế hoạch sản xuất cụ thể cho từng tiểu vùng.

a) Kế hoạch diện tích bơm tưới, tiêu nước cho từng vụ;

b) Xác định nhu cầu bảo vệ đê bao bảo vệ sản xuất vụ Hè Thu và vụ Thu Đông;

c) Nhu cầu nước phục vụ sinh hoạt và giao thông thủy.

2. Kiểm tra việc tổ chức hợp dân lấy ý kiến hiệp thương về nhu cầu dịch vụ, lịch trình sử dụng nước, kế hoạch sản xuất.

3. Chứng thực các biên bản hiệp thương và hợp đồng.

4. Tổ chức và hỗ trợ việc thành lập các tổ hợp tác dùng nước đúng quy định nhà nước.

5. Hỗ trợ và hướng dẫn, kiểm tra điều kiện tham gia cung ứng dịch vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tiểu vùng.

6. Trường hợp đến thời vụ sản xuất mà chưa có đơn vị cung ứng dịch vụ thì phải tìm giải pháp tốt nhất đảm bảo nhu cầu dịch vụ cho dân.

7. Kiểm tra và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ trên địa bàn phụ trách cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế).

8. Đình chỉ hoạt động cung ứng dịch vụ khi tổ chức cung ứng dịch vụ tiêu vãng vi phạm và báo cáo về trên kịp thời khi tổ chức cung ứng dịch vụ tạo nguồn vi phạm.

Điềũ 26. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Quang Thi

www.LuatVietnam.vn